

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
BỘ MÔN LUẬT**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Cần Thơ, 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
BỘ MÔN LUẬT**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHTĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018)

Cần Thơ, 2018

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế được xây dựng và áp dụng từ năm 2014 theo hệ thống tín chỉ và có điều chỉnh, rà soát vào năm 2016 theo Quyết định của Trường đảm bảo được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu tương đối về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tư 07/2015/TT-Bộ GD&ĐT ngày 16/04/2015. Năm 2018, Bộ môn Luật tiến hành điều chỉnh đề cương chi tiết, chuẩn ra theo công văn số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế được thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung thêm nhiều học phần tự chọn nhằm tăng tính chủ động của sinh viên, giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp yêu thích trong tương lai đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

Sinh viên học tập tại Bộ môn Luật được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp để hòa nhập vào môi trường là việc năng động và hội nhập.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo: **Luật Kinh tế**
- Tên văn bằng: **Cử nhân**
- Mã ngành: **7380107**
- Tên đơn vị cấp bằng: **Trường Đại học Tây Đô**
- Cơ sở tổ chức giảng dạy: **Bộ môn Luật**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: **Cử nhân Luật Kinh tế**
- Trình độ: **Đại học**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Thời gian đào tạo: **4 năm (8 học kỳ)**

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng - Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của trường Đại học Tây Đô

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực DBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mục tiêu phát triển của trường Đại học Tây Đô

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Bộ môn Luật

2.2.1. Sứ mạng:

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành, đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực Luật kinh tế.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành Bộ môn theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành được xếp hạng ngang tầm với các Khoa Luật của các trường đại học trong vùng và cả nước, trong đó có một ngành được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học cấp trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Mục tiêu đào tạo

Bộ môn Luật đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, nắm vững những kiến thức cơ bản về bản về hệ thống luật pháp Việt Nam nói chung và nắm vững kiến thức chuyên môn về pháp luật trong hoạt động kinh doanh trên nền tảng kiến thức về kinh tế học. Sinh viên ngành Luật Kinh tế được đào tạo theo chương trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo kết hợp đào tạo dựa trên tiêu chí phù hợp với nhu cầu của xã hội, địa phương, ... đồng thời có tham khảo từ chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước,... giúp cho sinh viên có năng lực nghiên cứu và có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật trong kinh doanh. Do đó, sinh viên theo học và tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

2.2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2023

Bộ môn Luật đến năm 2023 tiếp tục hoàn thiện về cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, nghiên cứu khoa học. CTDT của ngành định kỳ kiểm định đáp ứng với nhu cầu xã hội, với nhiều cấp bậc và mang tính liên tục. Tạo điều kiện cho sinh viên có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn để phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành. Sinh viên ngành Luật Kinh tế sau khi ra trường sẽ có tỷ lệ tìm được việc làm phù hợp cao và đáp ứng được 3 tiêu chí: kiến thức – kỹ năng – tính tự chủ và trách nhiệm trong công việc chuyên môn và phục vụ cộng đồng.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Trong suốt quá trình đào tạo, mục tiêu của Nhà trường là xây dựng, đào tạo kiến thức cho các sinh viên một cách hệ thống chuyên nghiệp, tạo môi trường rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kỹ năng chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản và những năng lực đủ để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế ở góc độ khoa học pháp lý.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tây Đô sẽ có nhiều cơ hội để trở thành những người có kiến thức pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, đủ khả năng đảm nhận những vị trí công tác liên quan đến hoạt động kiểm soát, pháp chế tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, với những nỗ lực nhất định, các cử nhân có thể đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan tư pháp (điều tra, kiểm sát các vụ việc kinh tế - thương mại), các Trung tâm trọng tài thương mại, các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật hoặc các tổ chức phi chính phủ khác.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về Kiến thức

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống luật pháp Việt Nam nói chung và nắm vững kiến thức chuyên môn về pháp luật trong hoạt động kinh doanh trên nền tảng kiến thức về kinh tế học. Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế cũng có những hiểu biết nhất định về pháp luật thương mại quốc tế. Cụ thể như sau:

G1. Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội như: Logic học, Tâm lý học, Triết học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phương pháp học Luật và nghề luật và một số môn học khác làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành.

G2. Kiến thức pháp luật và thực tiễn pháp lý cơ bản thuộc khối ngành và nhóm ngành như: kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản như: luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hôn nhân và gia đình, pháp luật quốc tế đủ cho phép sinh viên có khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội;

G3. Kiến thức pháp luật và thực tiễn pháp lý chuyên ngành như: Hợp đồng trong thương mại, Luật đầu tư, Luật tài chính, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật ngân hàng, Luật kinh doanh bất động sản, Luật thương mại quốc tế, Pháp luật kinh doanh xuất nhập khẩu; Luật lao động; Pháp luật an sinh xã hội.

G4. Có kiến thức về công nghệ thông tin và kiến thức ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công việc; Kiến thức về khởi nghiệp; Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

❖ Về Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có những kỹ năng:

G6. Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế; Kỹ năng vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn;

G7. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế;

G8. Kỹ năng tư duy pháp lý: tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, lập luận, tranh luận, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết;

G9. Kỹ năng tư vấn pháp lý, nghiệp vụ trong kinh doanh thương mại.;

❖ Về thái độ

G10. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế phải là người tôn trọng luật pháp, có ý thức tôn trọng đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội;

G11. Phương pháp làm việc khoa học, cầu tiến không ngừng học tập nâng cao trình độ; năng động sáng tạo trong giải quyết công việc; hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng trong công việc và cuộc sống.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức

K1. Hiểu và bước đầu vận dụng được vào thực tiễn hệ thống những tri thức cơ bản về khoa học chính trị và khoa học xã hội như: những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, về logic học, tâm lý học, phương pháp học luật, nghề luật và một số môn học khác, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận làm nền tảng cho sinh viên tiếp cận và luận giải các vấn đề có liên quan đến ngành học.

K2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lý luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp và một số kiến thức cơ bản về kinh tế học từ đó giúp sinh viên có thể giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành nghề đào tạo.

K3. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc nhóm ngành về luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tổ tụng hành chính; luật hôn nhân và gia đình, luật quốc tế cho phép sinh viên có thể giải quyết được pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

K4. Hiểu và vận dụng được các kiến thức pháp luật chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh tế như pháp luật về hợp đồng trong thương mại, pháp luật đầu tư pháp luật về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, pháp luật kinh doanh bất động sản, luật thương mại quốc tế, pháp luật kinh doanh xuất nhập khẩu; pháp luật về lao động và an sinh xã hội.

K5. Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; có kiến thức về khởi nghiệp, kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn; có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động có liên quan đến ngành nghề đào tạo.

3.2. Về kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế sinh viên đạt được các kỹ năng sau đây:

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn

S6. Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật; phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó.

S7. Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về kinh tế, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.

3.2.2. Kỹ năng mềm

S8. Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.

S9. Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp.

S10. Có kỹ năng nghe, nói, đọc và viết Anh văn trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

S11. Sinh viên có khả năng sử dụng máy tính cơ bản để soạn thảo văn bản với MS Word và xử lý văn bản nâng cao; có khả năng sử dụng bảng tính với MS Excel và sử dụng bảng tính nâng cao; có khả năng thiết kế và trình chiếu với MS Power Point ở mức cơ bản, có khả năng sử dụng Internet cơ bản.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C12. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C13. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

C14. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

C15. Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và CDR của chương trình

	K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	C12	C13	C14	C15
G1	X														
G2	X		X												
G3			X		X										
G4			X												
G5								X	X						
G6				X				X		X					
G7								X	X	X	X				
G8		X				X									
G9														X	

																						X	
G10																							X
G11																							

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế hiện tại rất lớn. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể công tác tại các cơ quan như: Sở Kế hoạch đầu tư, phòng Kinh tế, Tòa án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp; Hội đồng nhân dân, UBND và các cơ quan chuyên môn của UBND các cấp; Công an, Thanh tra, Thi hành án; Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Công thương, Cục Thuế, Hải quan, I phạt pháp chế hoặc nhân sự trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước; làm luật sư vấn cho các công ty Luật, Văn phòng luật sư; hoặc làm công tác nghiên cứu trong Viện Nghiên cứu về Nhà nước và pháp luật, Viện Kinh tế, ... Ngoài ra sinh viên còn thể học nâng cao trình độ, học chuyên sâu sau khi tốt nghiệp.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi cả 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐƯTX)}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTX} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$
 (ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐƯTX}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTX} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Tổ hợp xét tuyển:**

Ngữ văn – Lịch sử – Địa lí (C00)

Ngữ văn – Tiếng Anh – Lịch sử (D14)

Toán – Tiếng Anh – GDCD (D84)

Ngữ văn – Tiếng Anh – GDCD (D66)

5.2. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432/QĐ-ĐHTĐ ngày 03/9/2015 của Hội đồng Trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 14 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa 8 năm.

Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 16 tuần học, 2 tuần thi, tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 8 tuần.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432/QĐ-ĐHTĐ ngày 03/9/2015 của Hội đồng Trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên Trường Đại học Tây Đô.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Bộ môn Luật tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Luật Kinh tế cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Hiểu rõ kiểu - dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Hiểu rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, bài tập tình huống Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành, thực tế	Mô phỏng Thực tế

Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Mỗi học kỳ, Bộ môn Luật xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ, trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học s khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, đánh giá về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
 - o Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập...: 30 - 40%

- o Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

7.3. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432/QĐ-ĐHTĐ ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4.0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7.4. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

7.4.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4

1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều lỗi trong câu, từ. - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.
4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển

			rõ ràng cụ thể.	biên ví dụ điển hình.	hình cho câu trả lời.
--	--	--	-----------------	-----------------------	-----------------------

7.4.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

STT	Tiêu chí	Yếu (4,0 – 5,4 điểm)	Trung bình (5,5 – 6,9 điểm)	Khá (7,0 – 7,9 điểm)	Giỏi (8,0 – 8,9 điểm)	Xuất sắc (9,0 – 10 điểm)
1	Hình thức	Đạt số trang theo quy định. Định dạng chưa đúng hình thức quy định.	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng hình thức quy định.	Đảm bảo số trang theo quy định. Định dạng đúng quy định. Trình bày rõ ràng.	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng quy định. Trình bày rõ ràng, đẹp mắt, biểu bảng được thiết kế đa dạng.	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng quy định. Trình bày rõ ràng, đẹp mắt, logic.
2	Cấu trúc	Bố cục không rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng các nội dung liên quan đến đề tài.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng các nội dung liên quan đến đề tài,	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng các nội dung liên quan đến đề tài, logic, đảm bảo tính khoa học.

					logic, phù hợp.	
3	Nội dung					
3.1	Tổng quan đề tài	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định chưa rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ sở lý luận phù hợp với đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ sở lý luận phù hợp với đề tài; Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ sở lý luận phù hợp với đề tài; Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài; Có liên hệ về vấn đề nghiên cứu.
3.2	Cơ sở lý luận	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu.	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu;	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu;	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu;	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu; Xác định được mối liên hệ

			Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài.	Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài.	Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài, đối chiếu, so sánh nội dung các khái niệm qua các giai đoạn nghiên cứu của cơ sở lý luận.	các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài, đối chiếu, so sánh nội dung các khái niệm qua các giai đoạn nghiên cứu của cơ sở lý luận; Có ví dụ minh họa cụ thể cho các cơ sở lý luận được nêu trong đề tài.
3.3	Kết quả/Đề ra giải pháp khắc phục (nếu có)	Nêu xác định được kết quả nghiên cứu đề tài.	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những điểm hạn chế/bất cập	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những điểm hạn chế/bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực

			điểm hạn chế bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu.	điểm hạn chế bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực trạng của việc áp dụng.	còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực trạng của việc áp dụng, diễn hình tại một địa bàn, sự kiện cụ thể.	trạng của áp dụng, hình tại m bản, sự ki thể; Đề ra giải khắc phục những đi tồn tại của đề được n cứu, góp p hoàn thiện luật được t trong đề tài
3.4	Điểm mới của đề tài	Đề tài không có điểm mới nào	Đề tài chưa mới, nhưng cách thực hiện nghiên cứu có khác so với các nghiên cứu trước đây.	Có điểm mới, nhưng được kế thừa từ các đề tài đã nghiên cứu trước đây	Đề tài có điểm mới, nhưng chưa nổi bật so với các nghiên cứu trước đây.	Đề tài hoàn mới so với nghiên cứu trước đây.
4	Bài báo cáo					
4.1	Kỹ thuật thiết kế	Có bài báo cáo	Bài báo cáo được trình bày	Bài báo cáo được trình bày đẹp, bắt	Bài báo cáo được trình bày đẹp, bắt	Bài báo cáo được trình bày đẹp, bắt mắt đảm bảo cả

			đẹp, bắt mắt.	mát, đảm bảo các nội dung cần được giới thiệu.	mát, đảm bảo các nội dung cần được giới thiệu, các nội dung được trình bày logic.	dung cần được giới thiệu, các nội dung được trình bày logic, khoa học.
4.2	Năng lực thuyết trình và trả lời câu hỏi của Hội đồng	Thuyết trình được, trả lời dưới 50% các câu hỏi của Hội đồng.	Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, trả lời được 50% đến dưới 65% các câu hỏi của Hội đồng.	Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, trả lời được 65% đến dưới 80% các câu hỏi của Hội đồng.	Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, trả lời được 80% đến dưới 90% các câu hỏi của Hội đồng.	Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, trả lời được từ 90% đến 100% các câu hỏi của Hội đồng.

7.4.3. Rubric đánh giá báo cáo tiểu luận tốt nghiệp

STT	Tiêu chí	Yếu (4,0 – 5,4 điểm)	Trung bình (5,5 – 6,9 điểm)	Khá (7,0 – 7,9 điểm)	Giỏi (8,0 – 8,9 điểm)	Xuất sắc (9,0 – 10 điểm)
1	Hình thức	Đạt số trang theo quy định. Định dạng chưa đúng	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng hình	Đảm bảo số trang theo quy định. Định dạng	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng quy định.	Đạt số trang theo quy định. Định dạng đúng quy định. Trình bày rõ ràng, đẹp mắt, logic.

		hình thức quy định.	thức quy định.	đúng quy định. Trình bày rõ ràng.	Trình bày rõ ràng, đẹp mắt, biểu bảng được thiết kế đa dạng.	
2	Cấu trúc	Bố cục không rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng các nội dung liên quan đến đề tài.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng các nội dung liên quan đến đề tài, logic, phù hợp.	Bố cục rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Có mở rộng nội dung quan đến logic, đảm bảo tính khoa học.
3	Nội dung					
3.1	Tổng quan đề tài	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định chưa rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ sở lý luận phù hợp với đề tài;	Nêu được tính cấp thiết của đề tài; Xác định rõ ràng về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài; Hệ thống được cơ sở lý luận phù hợp với đề tài; Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài.

				sở lý luận phù hợp với đề tài.	Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài.	Có liên hệ thực tiễn về vấn đề nghiên cứu.
3.2	Cơ sở lý luận	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu.	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu; Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài.	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu; Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài.	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu; Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài, đối chiếu, so sánh nội dung các khái niệm qua các giai đoạn nghiên cứu của cơ sở lý luận. Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài, đối chiếu, so sánh nội dung các khái niệm qua các giai đoạn nghiên cứu của cơ sở lý luận.	Xác định được cơ sở lý luận nghiên cứu; Xác định được mối liên hệ giữa các cơ sở lý luận trong đề tài; Làm rõ được các khái niệm được nêu trong đề tài, đối chiếu, so sánh nội dung các khái niệm qua các giai đoạn nghiên cứu của cơ sở lý luận; Có ví dụ minh họa cụ thể cho các cơ sở lý luận được nêu trong đề tài.

3.3	Kết quả/Đề ra giải pháp khắc phục (nếu có)	Nếu xác định được kết quả nghiên cứu đề tài.	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những điểm hạn chế/bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu.	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những điểm hạn chế/bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực trạng của việc áp dụng.	Xác định được kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định được những điểm hạn chế/bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực trạng của việc áp dụng, diễn hình tại một địa bàn, sự kiện cụ thể.	Xác định kết quả nghiên cứu đề tài; Xác định những điểm hạn chế/bất cập còn tồn tại của vấn đề được nghiên cứu, liên hệ thực trạng của việc áp dụng, diễn hình tại một địa bàn, sự kiện cụ thể; Đề ra giải pháp khắc phục những điểm tồn tại của đề tài nghiên cứu, góp phần hoàn thiện luật được đề tài.
3.4	Điểm mới của đề tài	Đề tài không có điểm mới nào	Đề tài chưa mới, nhưng cách thực hiện nghiên cứu có khác so với các nghiên cứu trước đây.	Có điểm mới, nhưng được kế thừa từ các đề tài đã nghiên cứu trước đây	Đề tài có điểm mới, nhưng chưa nổi bật so với các nghiên cứu trước đây.	Đề tài hoàn toàn mới so với nghiên cứu trước đây.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế Trường Đại học Tây Đô theo hệ thống tín chỉ với khối lượng là 145 tín chỉ.

8.2. Danh mục học phần

8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 50TC

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301000654	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin 1	2	2		30	
2	0301000664	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin 2	3	3		45	
3	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
4	0301000666	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45	
5	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
6	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
7	0301000948	Tiếng Anh định hướng Toeic 3	4	4		60	
8	0301000679	Tin học căn bản	2	2		30	
9	0301000680	Thực hành Tin học căn bản	2	2			60
10	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền	1		1		30
11	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá	1		1		30
12	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông	1		1		30

13	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền	1		1	
14	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá	1		1	
15	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông	1		1	
16	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền	1		1	
17	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá	1		1	
18	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông	1		1	
19	0301000650	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8		
20	0301001045	Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật	2	2		30
21	0301000752	Thống kê xã hội học	2	2		45
22	0301000236	Kinh tế học vi mô	3	3		45
23	0301000898	Kinh tế học vĩ mô	3	3		45
24	0301000288	Logic học đại cương	3		3	45
25	0301000643	Xã hội học đại cương	3		3	45
26	0301000603	Văn bản và lưu trữ đại cương	3		3	45
27	0301000060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3	45
28	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	3		3	45
TỔNG CỘNG			50	47	3	

8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95TC

STT		TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
I		Kiến thức cơ sở	36	36	0		
1	0301000749	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3		45	
2	0301000750	Luật Hiến pháp	3	3		45	
3	0301000746	Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	2		30	
4	0301001260	Đạo đức nghề luật	2	2		30	
5	0301001603	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Luật	2	2		30	
6	0301000755	Luật Hành chính	3	3		45	
7	0301000785	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	2			
8	0301000777	Luật Hình sự	3	3		45	
9	0301000742	Luật tố tụng hình sự	2	2		30	
10	0301001058	Luật dân sự 1	2	2		30	
11	0301001243	Luật dân sự 2	2	2		30	
12	0301000776	Luật tố tụng dân sự	3	3		45	
13	0301000780	Luật đất đai	3	3		45	
14	0301000800	Luật môi trường	2	2		30	
15	0301000796	Luật học so sánh	2	2		30	
II		Kiến thức ngành	59	42	17		
16	0301000773	Luật thương mại 1	3	3		45	
17	0301000778	Luật thương mại 2	3	3		45	
18	0301000786	Công pháp quốc tế	3	3		45	
19	0301000793	Tư pháp quốc tế	3	3		45	

20	0301000294	Luật thương mại quốc tế	3	3		45
21	0301000774	Luật lao động	3	3		45
22	0301000795	Luật ngân hàng	2	2		30
23	0301001251	Luật thuế	2	2		30
24	0301001252	Luật ngân sách	2	2		30
25	0301000799	Luật sở hữu trí tuệ	2	2		30
26	0301000794	Luật cạnh tranh	2	2		30
27	0301000792	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30
28	0301001582	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3		45
29	0301000801	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2		2	30
30	0301000783	Luật kinh doanh bất động sản	2		2	30
31	0301000779	Luật thuế quốc tế	2		2	30
32	0301000754	Soạn thảo văn bản pháp luật	2		2	30
33	0301001060	Tâm lý học tư pháp	3		3	45
34	0301000781	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		2	30
35	0301000784	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2		2	30
36	0301001869	Bảo đảm nghĩa vụ	2		2	30
37	0301000797	Luật đầu tư	2		2	30
38	0301000782	Luật kinh doanh bảo hiểm	2		2	30

39	0301000791	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại	2		2	30	
40	0301000798	Luật các tổ chức quốc tế	2		2	30	
41	0301001261	Pháp luật về thi hành án dân sự	2		2	30	
42	0301002081	Luật Tổ tụng hành chính	2		2	30	
43	0301002082	Tội phạm học	2		2	30	
44	0301002083	Pháp luật về Nhà ở	2		2	30	
45	0301002084	Luật An sinh xã hội	2		2	30	
46	0301002085	Pháp luật về trọng tài thương mại	2		2	30	
III		Tốt nghiệp	12				
		Nhóm sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp					
47	0301000803	Khóa luận tốt nghiệp	12	12			
		Nhóm sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp					
48	0301000553	Tiểu luận tốt nghiệp	8	8			
		Học bổ sung kiến thức	4	4			
		TỔNG CỘNG	95	81	14		

8.3. Ma trận tích hợp học phần – Chuẩn đầu ra chương trình

ST T	Yêu cầu Học phần	Kiến thức					Kỹ năng						Mức trách		
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	S 6	S 7	S 8	S 9	S 10	S 11	C 12	C 13	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	X								X					X
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	X								X					X
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X								X					X
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	X								X					X
5	Logic học đại cương	X								X		X			X
6	Xã hội học đại cương	X								X		X			X
7	Văn bản và lưu trữ đại cương	X								X		X			X
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X								X		X			X
9	Lịch sử văn minh thế giới	X								X		X			X
10	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1					X									X
11	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2					X									X
12	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3					X									X
13	Tin học căn bản					X									

4	Thực hành Tin học căn bản					X															X	
4	Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật	X				X				X		X			X							X
5	Thống kê xã hội học	X				X				X					X							X
6	Kinh tế học vi mô	X				X				X					X							X
7	Kinh tế học vĩ mô	X				X				X					X							X
8	Lý luận Nhà nước và pháp luật		X			X				X		X			X							X
9	Luật Hiến pháp		X			X	X			X		X			X							X
0	Lịch sử Nhà nước và pháp luật VN		X			X				X		X			X							X
1	Đạo đức nghề luật			X		X	X	X	X		X				X							X
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Luật	X				X				X		X			X							X
3	Luật Hành chính			X		X	X	X	X		X				X							X
4	Luật Hôn nhân và Gia đình			X		X	X	X	X		X				X							X
5	Luật Hình sự			X		X	X	X	X		X				X							X
5	Luật tố tụng hình sự			X		X	X	X	X		X				X							X
7	Luật dân sự 1			X		X	X	X	X		X				X							X
8	Luật dân sự 2			X		X	X	X	X		X				X							X
9	Luật tố tụng dân sự			X		X	X	X	X		X				X							X
0	Luật đất đai			X		X	X	X	X		X				X							X
1	Luật môi trường			X		X	X	X	X		X				X							X
2	Luật học so sánh		X	X		X	X	X	X		X				X							X
3	Luật thương mại 1			X		X	X	X	X		X				X							X
4	Luật thương mại 2			X		X	X	X	X		X				X							X

35	Công pháp quốc tế		X			X	X	X	X		X		X
36	Tư pháp quốc tế		X			X	X	X	X		X		X
37	Luật thương mại quốc tế		X			X	X	X	X		X		X
38	Luật lao động		X			X	X	X	X		X		X
39	Luật ngân hàng		X			X	X	X	X		X		X
40	Luật thuế		X			X	X	X	X		X		X
41	Luật ngân sách		X			X	X	X	X		X		X
42	Luật sở hữu trí tuệ		X			X	X	X	X		X		X
43	Luật cạnh tranh		X			X	X	X	X		X		X
44	Pháp luật về thương mại điện tử		X			X	X	X	X		X		X
45	Tiếng Anh chuyên ngành				X								X
46	Pháp luật về xuất nhập khẩu		X			X	X	X	X		X		X
47	Luật kinh doanh bất động sản		X			X	X	X	X		X		X
48	Luật thuế quốc tế		X			X	X	X	X		X		X
49	Luật đầu tư		X			X	X	X	X		X		X
50	Luật kinh doanh bảo hiểm		X			X	X	X	X		X		X
51	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại		X			X	X	X	X		X		X
52	Soạn thảo văn bản pháp luật		X			X	X	X	X		X		X
53	Tâm lý học tư pháp		X			X	X	X	X		X		X

4	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng		X			X	X	X	X		X		X	X	X
5	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán		X			X	X	X	X		X		X	X	X
6	Bảo đảm nghĩa vụ		X			X	X	X	X		X		X	X	X
7	Luật các tổ chức quốc tế		X			X	X	X	X		X		X	X	X
8	Pháp luật về thi hành án dân sự		X			X	X	X	X		X		X	X	X

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

1.1. Học kỳ 1

Số TT	Môn học	Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn tiên quyết
						LT	TH	
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML 1	2	2		30	30		
2	Kinh tế vi mô	3	3		30	30		
3	Tin học căn bản	2	2		30	30		
4	Thực hành Tin học căn bản	2	2		60		60	
5	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	60		
6	Giáo dục quốc phòng	8	8		165			
7	Giáo dục thể chất 1	1	1		15	15		
	Cộng	22	22	0				

1.2. Học kỳ 2

Số TT	Môn học	Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn tiên quyết
						LT	TH	
1	Kinh tế vĩ mô	3	3		30	30		

2	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML. 2	3	3		45	45		
3	Thống kê xã hội học	2	2		30	30		
4	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	60		
5	Giáo dục thể chất 2	1	1		15			
6	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		30	30		
7	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	2		30	30		
8	Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật	2	2		30	30		
9	Logic học đại cương	3		3	45	45		
10	Xã hội học đại cương	3		3	45	45		
11	Văn bản và lưu trữ đại cương	3		3	45	45		
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3	45	45		
13	Lịch sử văn minh thế giới	3		3	45	45		
	Cộng	23	20	3				

1.3. Học kỳ 3

Số TT	Môn học	Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn quĩ
						LT	TH	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30		
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 3	4	4		60	60		
3	Giáo dục thể chất 3	1	1		15			

4	Luật Hiến pháp	3	3		45	45		
5	Luật Hình sự	3	3		45	45		
6	Luật Hành chính	3	3		45	45		
7	Luật Dân sự 1	2	2		30	30		
8	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2		2	30	30		
9	Soạn thảo văn bản pháp luật	2		2	30	30		
10	Tâm lý học tư pháp	2		2	30	30		
11	Tội phạm học	2		2	30	30		
	Cộng	22	18	4				

1.4. Học kỳ 4

Số TT	Môn học	Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn tiên quyết
						LT	TH	
1	Đường lối cách mạng của đảng CSVN	3	3		45	45		
2	Luật Tố tụng hình sự	2	2		30	30		
3	Luật Hôn nhân và gia đình	2	2		30	30		
4	Luật Dân sự 2	2	2		30	30		
5	Luật đất đai	3	3		45	45		
6	Luật môi trường	2	2		30	30		
7	Luật thương mại 1	3	3		45	45		
8	Luật học so sánh	2	2		30	30		
9	Luật kinh doanh bất động sản	2		2	30	30		
10	Luật kinh doanh bảo hiểm	2		2	30	30		
11	Pháp luật về Nhà ở	2		2	30	30		

	Cộng	21	19	2				
--	-------------	-----------	-----------	----------	--	--	--	--

1.5. Học kỳ 5

Số TT	Môn học	Tin chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn
						LT	TH	
1	Luật thương mại 2	3	3		45	45		
2	Luật tổ tụng dân sự	3	3		45	45		
3	Công pháp quốc tế	3	3		45	45		
4	Tư pháp quốc tế	3	3		45	45		
5	Luật lao động	3	3		45	45		
6	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3		45	45		
7	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2		2	30	30		
8	Luật đầu tư	2		2	30	30		
9	Luật An sinh xã hội	2		2	30	30		
	Cộng	20	18	2				

1.6. Học kỳ 6

Số TT	Môn học	Tin chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn
						LT	TH	
1	Luật thương mại quốc tế	3	3		45	45		
2	Luật ngân sách	2	2		30	30		
3	Luật ngân hàng	2	2		30	30		
4	Luật thuế	2	2		45	45		
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Luật	2	2		30	30		
6	Luật thuế quốc tế	2		2	30	30		

7	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		2	30	30		
8	Pháp luật về trọng tài thương mại	2		2	30	30		
Cộng		13	11	2				

1.7. Học kỳ 7

Số TT	Môn học	Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng số tiết	Số tiết		Môn tiên quyết
						LT	TH	
1	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30	30		
2	Luật cạnh tranh	2	2		30	30		
3	Luật sở hữu trí tuệ	2	2		30	30		
4	Đạo đức nghề luật	2	2		30	30		
5	Pháp luật về thi hành án dân sự	2		2	30	30		
6	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại	2		2	30	30		
7	Luật các tổ chức quốc tế	2		2	30	30		
8	Luật Tổ tụng hành chính	2		2	30	30		
Cộng		12	8	4				

1.8. Học kỳ 8

STT	Hình thức	Tín chỉ
1	Loại hình 1: Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp <i>(được áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)</i>	12

2	Loại hình 2: Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp: (được áp dụng đối với những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)
	- Thực tập và làm tiểu luận tốt nghiệp
	- Học phần thay thế tốt nghiệp
Cộng:	

Tổng số khóa học ngành Luật Kinh tế ứng có: **145 tín chỉ** (bắt buộc 128 và 17 tín chỉ tự chọn).

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lênin 1 – 02 Tín chỉ

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần I là thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

10.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lênin 2 – 03 Tín chỉ

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II là học phần gồm những nội dung cơ bản của phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung của học phần là những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất chủ nghĩa và tất yếu sẽ dẫn tới sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới ở hội loài người chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

10.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh – 02 Tín chỉ

Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam

10.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam – 03 Tín chỉ

Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cơ sở lãnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.

10.5. Logic học đại cương -- 03 Tín chỉ

Môn học trình bày những kiến thức cơ bản về logic học như: các hình thức của tư duy bao gồm khái niệm, phán đoán, suy luận; các quy luật cơ bản của tư duy hình thức; giới thiệu sơ lược về các thao tác xác định giá trị chân lý của một luận đề nào đó (gọi là chứng minh).

10.6. Xã hội học đại cương - 03 Tín chỉ

Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

10.7. Văn bản và lưu trữ đại cương - 03 Tín chỉ

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về văn bản quản lí Nhà nước; biết cách tạo lập văn bản thông thường như: công văn, báo cáo, kế hoạch, tờ trình... biết các tiếp nhận và lưu trữ văn bản nhằm phục vụ cho công việc sau này.

10.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam - 03 Tín chỉ

Môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm:

- Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam

- Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Các vùng văn hóa Việt Nam.

10.9. Lịch sử văn minh thế giới – 03 Tín chỉ

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: phần phương đông sẽ trình bày những thành tựu của các nền văn minh và sự đóng góp của họ vào nền văn minh nhân loại. Phần Phương Tây trình bày quá trình phát triển của văn minh phương tây qua các thời kỳ lịch sử.

10.10. Tiếng Anh định hướng TOEIC 1 - 4 Tín chỉ

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

10.11. Tiếng Anh định hướng TOEIC 2 - 4 Tín chỉ

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng

nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

10.12. Tiếng Anh định hướng TOEIC 3 - 4 Tín chỉ

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng được dùng trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại. Kỹ năng nghe – nói – đọc - viết, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ trung cấp. Tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường.

10.13. Tin học căn bản và Thực hành Tin học căn bản – 04 Tín chỉ

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

-Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin, cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng Word viết trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

-Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word.

-Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.

-Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint.

-Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là Web và mail nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

10.14. Giáo dục quốc phòng – An ninh – 08 Tín chỉ

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “điển hình binh” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự căn bản về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.15. Giáo dục thể chất 1 – 01 Tín chỉ

Nội dung học phần cầu lông cơ bản: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yêu cầu kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phát cầu cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên tích lũy kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần bóng đá cơ bản. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

10.16. Giáo dục thể chất 2 – 01 Tín chỉ

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1: giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.17. Giáo dục thể chất 3 – 01 Tín chỉ

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2:

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2. Học phần môn bóng đá giúp các sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tăng tốc bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe, hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.18. Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật – 02 Tín chỉ

Môn học Kỹ năng nghiên cứu và lập luận nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy và ngôn ngữ như: kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, qua đó giúp người học biết nghĩ một cách sâu sắc, viết một cách chính xác, nói một cách thuyết phục. Đây là những kỹ năng rất cần thiết để đem lại cho mỗi người sự thành công trong công việc học tập, nghiên cứu, cũng như các hoạt động giao tiếp xã hội và các ngành nghề chuyên môn đặc thù, nhất là đối với nghề Luật sư mà các năng lực tư duy, ngôn ngữ và “tài ăn nói” có vai trò tiên quyết đối với sự thành đạt trong công việc và sự nghiệp.

10.19. Thống kê xã hội học – 02 Tín chỉ

Học phần Thống kê xã hội học gồm hai phần Xác suất và Thống kê được chia thành 5 chương: Chương 1: Những khái niệm cơ bản về xác suất; Chương 2: Đại số ngẫu nhiên và các phân phối xác suất; Chương 3: Tổng thể và Mẫu; Chương 4: Ước lượng các tham số tổng thể; Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê.

10.20. Kinh tế học Vi mô – 03 Tín chỉ

Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế học Vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; những khuynh hướng của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: cung và cầu về hàng hóa; cung và cầu về lao động; cạnh tranh và độc quyền; sản xuất, chi phí và lợi nhuận; hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...

10.21. Kinh tế học vĩ mô – 03 Tín chỉ

Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu các hoạt động diễn ra trên phạm vi tổng thể nền kinh tế, nó nghiên cứu trên quy mô toàn cục các biến số kinh tế vĩ mô như: lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng GDP, cán cân thương mại, cán cân thanh toán...

10.22. Lý luận Nhà nước và pháp luật – 03 Tín chỉ

Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là một môn học bắt buộc chung trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Lý luận nhà nước và pháp luật là khoa học pháp lý cơ bản có tính chất phương pháp luận nhằm trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật để có thể tiếp cận với các môn khoa học khác cũng như tiếp cận các vấn đề, hiện tượng pháp lý – xã hội nói chung.

10.23. Luật Hiến pháp – 03 Tín chỉ

Học phần Luật so sánh bao gồm nội dung cơ bản về khoa học nghiên cứu và so sánh hệ thống pháp luật ở các nước nhằm tìm ra nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng trên cơ sở đó góp phần tạo thuận lợi cho sự tương đồng hệ thống pháp luật quốc gia so với pháp luật của các nước và quốc tế từ đó góp phần hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật.

10.24. Lịch sử Nhà nước và pháp luật VN – 02 Tín chỉ

Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam có những nội dung chính như sau: quá trình hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam – nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 tr.cn-938); nhà nước và pháp luật Ngô – Đinh – Tiền Lê giai đoạn củng cố nền độc lập dân tộc và bước đầu xác lập nhà nước trung ương tập quyền; nhà nước phong kiến quân chủ lập hiến thời Lê sơ (đầu thế kỷ XV – đầu thế kỷ XVIII); pháp luật thế kỷ thứ XV – thế kỷ thứ XVIII, bộ Quốc triều hình luật và bộ Quốc triều khám tụng điều lệ; chính quyền và điều lệ thời Pháp thuộc (1858 – 1945); cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước và pháp luật trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954); nhà nước và pháp luật trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, thống nhất tổ quốc (1954-1976); sự thành lập nhà nước CHXHCN Việt Nam (1976), nhà nước và pháp luật trong cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp (1975-1986); nhà nước và pháp luật thời kỳ đổi mới.

10.25. Đạo đức nghề luật – 02 Tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội. nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật những kiến thức cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận, nghiên cứu các khoa học và hành nghề luật trong tương lai.

10.26. Phương pháp nghiên cứu khoa học – Luật – 02 Tín chỉ

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm 4 chương với những nội dung cơ bản như sau: Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

10.27. Luật Hành chính - 03 Tín chỉ

Học phần Luật Hành chính có những nội dung chính như sau: nội dung, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính; quyết định quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; những biện pháp bảo đảm pháp chế XHCN và kỷ luật nhà nước trong quản lý hành chính; thanh tra; tham nhũng và chống tham nhũng.

10.28. Luật Hôn nhân và Gia đình - 02 Tín chỉ

Luật hôn nhân và gia đình là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình. Nó là một môn học mang tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội với hai phần nội dung chính gồm phần lý luận giới thiệu các hình thái hôn nhân trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật HN&GD, quan hệ pháp luật HN&GD; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật HN&GD Việt Nam và phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chăm sóc người già yếu; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

10.29. Luật Hình sự - 03 Tín chỉ

Học phần Luật Hình sự có những nội dung chính như sau: Những quy định về phạm vi và nhiệm vụ của pháp luật hình sự; phạm phạm; những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; hình phạt; các biện pháp tư pháp; quyết định hình phạt; chấp hành hình phạt; cải tạo và giáo dục người phạm tội... những nội dung này được giảng dạy với thời lượng 45 tiết tương đương 3 tín chỉ.

10.30. Luật tố tụng hình sự - 02 Tín chỉ

Học phần Luật Tố tụng hình sự có những nội dung chính như sau: quy định về thẩm quyền, nhiệm vụ và người tiến hành tố tụng hình sự; người tham gia tố tụng; bảo vệ quyền và nghĩa vụ của bị hại, đương sự; biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế... những nội dung này được giảng dạy với thời lượng 30 tiết tương đương 2 tín chỉ.

10.31. Luật dân sự 1- 02 Tín chỉ

Luật dân sự có vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là nền tảng cho nhiều chuyên ngành khác và luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học pháp lý, người làm công tác thực tiễn và đối tượng khác có quan tâm.

Xuất phát từ tầm quan trọng của luật dân sự đối với đời sống, môn học luật dân sự đã trở thành môn học bắt buộc được thiết kế giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành pháp luật.

sau khi sinh viên đã hoàn thành xong môn học tiên quyết: Lý luận về Nhà nước và pháp luật. Môn học này được chia làm 2 học phần với lượng kiến thức được phân bổ hợp lý.

Với học phần đầu tiên Luật Dân sự 1 này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức lý luận chung về luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, vấn đề đại diện, thời hạn, thời hiệu, giao dịch dân sự, tài sản, thừa kế... trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật dân sự.

10.32. Luật dân sự 2 - 02 Tín chỉ

Luật dân sự có vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là nền tảng cho nhiều chuyên ngành khác và luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, người làm công tác trong thực tiễn và đối tượng khác có quan tâm.

Xuất phát từ tầm quan trọng của luật dân sự đối với đời sống, môn học luật dân sự đã trở thành môn học bắt buộc được thiết kế giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành luật. Môn học này được chia làm 2 học phần với lượng kiến thức được phân bổ hợp lý.

Sau khi sinh viên đã hoàn thành xong môn học tiên quyết: Lý luận về Nhà nước và pháp luật và Luật Dân sự 1 thì sẽ học tiếp tục học phần Luật Dân sự 2.

Với học phần đầu tiên Luật Dân sự 2 này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về luật dân sự như: nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Hợp đồng dân sự; Các hợp đồng thông dụng của Việt Nam; Hứa thưởng, thi có giải; Thực hiện công việc không có ủy quyền; nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.... trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật dân sự.

10.33. Luật tố tụng dân sự - 03 Tín chỉ

Luật Tố tụng dân sự (Luật hình thức) là môn học cơ bản của chương trình đào tạo luật học, đây là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong việc vận dụng các quy định của pháp luật nội dung để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho mình, cho người khác, cho tập thể và nhà nước... khi lợi ích đó bị xâm phạm.

Nội dung đi vào hai vấn đề cốt lõi:

Một là, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về Luật Tố tụng dân sự theo chuyên đề như: Nhận thức chung nhất về vụ việc dân sự, luật tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự; Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; Án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự; thi hành án dân sự...

Hai là, tổng hợp vấn đề theo chiều dọc để học viên nắm được các bước cơ bản để giải quyết đúng đắn vụ việc như: Xác định lĩnh vực tranh chấp; quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh; lựa chọn quy phạm pháp luật cụ thể...

10.34. Luật đất đai - 03 Tín chỉ

Học phần Luật Đất đai nghiên cứu tổng quan về pháp luật đất đai như: quy chế độ sở hữu đất đai, mối quan hệ giữa người sử dụng đất và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai, cũng như quyền và nghĩa vụ của các chủ thể được quy định trong Luật Đất đai hiện hành.

10.35. Luật môi trường – 02 Tín chỉ

Luật môi trường là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà môn học này đề cập là một số vấn đề mang tính lí luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường bằng pháp luật môi trường. Tiếp đó, môn học nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học như: kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Ngoài ra, môn học còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp sinh trong lĩnh vực này.

10.36. Luật học so sánh – 02 Tín chỉ

Học phần Luật so sánh bao gồm nội dung cơ bản về khoa học nghiên cứu so sánh hệ thống pháp luật ở các nước nhằm tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng trên cơ sở đó góp phần tạo thuận lợi cho sự tương đồng hệ thống pháp luật quốc gia so với pháp luật của các nước và quốc tế từ đó góp phần hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật.

10.37. Luật thương mại 1– 03 Tín chỉ

Học phần nghiên cứu những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại và chủ thể tham gia hoạt động thương mại là thương nhân. Phân biệt được từng loại doanh nghiệp với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện ưu điểm hạn chế từng loại hình doanh nghiệp về cơ cấu tổ chức, hoạt động và giải thể của doanh nghiệp.

10.38. Luật thương mại 2 – 03 Tín chỉ

Học phần nghiên cứu một cách đầy đủ về các hoạt động thương mại và phát sinh được từng loại hoạt động thương mại. Tính chất luật định phát sinh từ hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, xúc tiến thương mại, gian thương mại và các hoạt động thương mại khác. Các hình thức và nguyên tắc áp dụng

chế tài thương mại trong hoạt động thương mại. Cách thức giải quyết tranh chấp trong thương mại bằng các phương thức khác nhau.

10.39. Công pháp quốc tế – 03 Tín chỉ

Học phần Luật công pháp quốc tế có những nội dung chính như sau: Nghiên cứu về pháp luật quốc tế mà cụ thể là các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương và song phương giữa các nước trong khu vực và trên thế giới mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời nghiên cứu phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của quốc gia Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế thông qua các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương và song phương.

10.40. Tư pháp quốc tế – 03 Tín chỉ

Học phần nghiên cứu những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật về xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài cũng như kiến thức thực tiễn về các vấn đề này. Đồng thời tìm hiểu quy định của pháp luật về thẩm quyền của toà án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và pháp luật về công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài.

10.41. Luật thương mại quốc tế – 03 Tín chỉ

Môn học luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

10.42. Luật lao động – 03 Tín chỉ

Học phần Luật Lao Động nghiên cứu tổng quan đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong mối quan hệ lao động như: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Bảo hộ lao động; Kỳ luật lao động – Trách nhiệm vật chất; Bảo hiểm xã hội. Đồng thời vấn đề giải quyết tranh chấp lao động cũng được nghiên cứu trong học phần này.

10.43. Luật ngân hàng – 02 Tín chỉ

Học phần nghiên cứu tổng quan về địa vị pháp lý, cơ cấu tổ chức hoạt động, hệ thống quản lý của Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam và Các tổ chức tín dụng. Đồng thời nêu rõ những quy định về chế độ dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống Ngân Hàng Nhà

nước Việt Nam và Các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó nghiên cứu Pháp luật điều
hoạt động quản lý Nhà nước về ngoại hối.

10.44. Luật thuế - 02 Tín chỉ

Người học sẽ được học phần lý thuyết chung về pháp luật thuế. Trong đó, nội
dung về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, căn cứ tính thuế, các
hợp miễn thuế, giảm thuế, quản lý nhà nước về thuế, nguyên tắc xây dựng pháp luật
sẽ được nghiên cứu làm nền tảng cho việc học từng loại thuế riêng biệt. Người học
các loại thuế thu nhập, thuế tiêu dùng và thuế tài sản trong hệ thống pháp luật Việt
và nghiên cứu về hành vi vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật thuế.

10.45. Luật ngân sách - 02 tín chỉ

Luật ngân sách là trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về lĩnh vực
và các quy định pháp luật về tạo lập, sử dụng, phân phối quỹ NSNN cũng như các
định về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực NSNN. Với những thông tin được trình
trong môn học Pháp luật NSNN, sinh viên sẽ hiểu được vai trò, bản chất của
những yếu tố chi phối quy định của pháp luật trong lĩnh vực NSNN, tại sao trong lĩnh
NSNN cần thiết phải có hoạt động kiểm tra, thanh tra của nhà nước mà cụ thể là
thực hiện hành vi này là cơ quan đại diện cho nhân dân. Thông qua việc nghiên cứu
sở hình thành nên quỹ NSNN, sinh viên sẽ hiểu được vị trí của công dân trong nhà
nước, trách nhiệm của nhà nước đối với người dân, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi
dân đối với nhà nước.

10.46. Luật sở hữu trí tuệ - 02 Tín chỉ

Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những
định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp,
với giống cây trồng và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội
môn học còn đề cập đến các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.

10.47. Luật cạnh tranh - 02 Tín chỉ

Luật cạnh tranh là môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh
trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu các nội dung sau: Những vấn đề lý
chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh
Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm
vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật
cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối
hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

10.48. Pháp luật về thương mại điện tử - 02 Tín chỉ

Pháp luật về thương mại điện tử là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về pháp luật điều chỉnh các quan hệ thương mại được thực hiện thông qua mạng điện tử như: Kế hoạch xây dựng hệ thống thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh, vấn đề an ninh và thanh toán trong thương mại điện tử.

10.49. Tiếng Anh chuyên ngành – 03 Tín chỉ

Học phần anh văn chuyên ngành luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng anh trong lĩnh vực pháp luật về thương mại như: Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật cơ bản; Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh thương mại, từ đó định hướng cho sinh viên kỹ năng soạn thảo một số văn bản, tài liệu pháp lý cơ bản nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế trong xu thế hội nhập.

10.50. Pháp luật về xuất nhập khẩu – 02 Tín chỉ

Pháp luật về xuất nhập khẩu là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động xuất nhập khẩu, nội dung pháp lý chủ yếu trong điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu.

- Nội dung môn học gồm các vấn đề chính:
- Những vấn đề khái quát về hoạt động xuất nhập khẩu và hệ thống pháp luật, hệ thống thủ tục điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu.
- Địa vị pháp lý của các chủ thể trong hoạt động xuất nhập khẩu;
- Các vấn đề pháp lý về hợp đồng xuất nhập khẩu, thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu;
- Các phương thức thanh toán quốc tế và chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu.

10.51. Luật kinh doanh bất động sản – 02 Tín chỉ

Luật kinh doanh bất động sản là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh kinh doanh bất động sản, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và phương thức giải quyết các tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Nội dung môn học gồm các vấn đề chính:
- Quá trình hình thành phát triển của thị trường kinh doanh bất động sản và hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản.
 - Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản;
 - Hợp đồng kinh doanh bất động sản, nội dung của hợp đồng kinh doanh bất động

sản, các quy định khác của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Quy định của pháp luật về các hoạt động kinh doanh bất động sản cụ thể.
- Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và phương pháp giải quyết các tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

10.52. Luật thuế quốc tế – 02 Tín chỉ

Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về thuế quốc tế, hiểu và nắm bắt đúng nội dung giữa chính sách thuế của Việt Nam đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam từ đó có thể thực hiện việc tư vấn đối với trường hợp cụ thể. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nắm bắt những vấn đề cơ bản về thuế các điều ước quốc tế về thương mại quốc tế và chính sách thuế của Việt Nam trong trình hội nhập. Sau khi học xong môn luật thuế quốc tế, sinh viên sẽ biết vận dụng kiến thức đã được trang bị để tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về thuế trong quan hệ thuế giữa Việt Nam với các nước và các tổ chức thương mại quốc tế.

10.53. Soạn thảo văn bản pháp luật – 02 Tín chỉ

Đối với môn soạn thảo văn bản pháp luật sinh viên sẽ được tìm hiểu khái niệm chức năng và vai trò của văn bản. Đồng thời, sinh viên sẽ phân biệt được văn bản pháp luật với văn bản hành chính. Sinh viên được tìm hiểu các nội dung cơ bản trong ngành vụ xây dựng văn bản như: Nội dung, hình thức của văn bản, yêu cầu về phong cách, ngôn ngữ, thể thức trình bày và quy trình xây dựng văn bản. Ngoài ra, sinh viên sẽ được hiểu kỹ năng xây dựng một số văn bản hành chính thông dụng. Ví dụ: Kỹ thuật xây dựng nghị quyết, quyết định, chỉ thị...

10.54. Tâm lý học tư pháp – 03 Tín chỉ

Tâm lý học tư pháp là ngành tâm lý học ứng dụng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý và hành vi của các chủ thể khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ việc dân sự, trong thi hành án hình sự, thi hành án dân sự mà trọng tâm là trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp để giải quyết các vụ án hình sự, giúp họ có thể giải quyết hiệu quả nhiệm vụ đặt ra trong quá trình hành nghề luật sư. Những nội dung này được giảng dạy với thời lượng 30 tiết tương đương 2 tín chỉ.

10.55. Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán – 02 Tín chỉ

Học phần “Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán như các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, phát hành chứng khoán, các mô hình công ty cổ phần trên thế giới và Việt Nam. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp chứng khoán, thủ tục phát hành chứng khoán và quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh chứng khoán.

Ngoài ra, sinh viên sẽ nắm rõ những kiến thức để có thể tư vấn, soạn thảo các hợp đồng liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán.

10.56. Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng – 02 Tín chỉ

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại là môn học kỹ năng pháp lý cung cấp các khía cạnh về pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo các Hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng.

10.57. Bảo đảm nghĩa vụ - 02 Tín chỉ

Học phần Bảo đảm nghĩa vụ giới thiệu cho sinh viên chương trình Cử nhân luật các nội dung kiến thức cơ bản sau đây: Một là, giới thiệu về khái niệm, đặc điểm, vai trò của biện pháp thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự Việt Nam; khái quát chung về các loại biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hiện có trong luật Việt Nam cũng như cách thức phân loại các biện pháp bảo đảm này; giới thiệu sơ lược quá trình phát triển của pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ ở Việt Nam. Hai là, giới thiệu biện pháp bảo đảm đối nhân và bảo đảm đối vật phổ biến trong luật Việt Nam như bảo lãnh, cầm cố tài sản, thế chấp tài sản về chủ thể, đối tượng, hình thức, đăng ký, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm. Ba là, phân tích, đánh giá, phân biệt các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ cụ thể như cầm cố tài sản tại cửa hàng cầm đồ, thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai...

10.58. Luật đầu tư – 02 Tín chỉ

Luật Đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh. Sinh viên được tiếp cận nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: Hình thức đầu tư (khái niệm, phạm vi, các nguyên tắc của các hình thức đầu tư, mối quan hệ giữa quy định pháp luật với thực tiễn, giữa các văn bản quy phạm pháp luật với nhau...); Trình tự thủ tục đầu tư và sự cụ thể hóa của Nhà nước bằng pháp luật. - Các biện pháp đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; Hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt; Cơ chế điều chỉnh hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

10.59. Luật kinh doanh bảo hiểm – 02 Tín chỉ

Luật kinh doanh bảo hiểm là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh kinh doanh bảo hiểm, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh kinh doanh bảo hiểm và quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Nội dung môn học gồm các vấn đề chính:

- Khái niệm, bản chất, vai trò và bảo hiểm và các nguyên tắc của hoạt động kinh

doanh bảo hiểm.

- Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo;
- Quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, các điều kiện để trở thành chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Hợp đồng bảo hiểm, nội dung của hợp đồng bảo hiểm, các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm vô hiệu, chấm dứt hiệu lực pháp lý của hợp đồng bảo hiểm.
- Quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người.

10.60. Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại

Học phần pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự quản lý của nhà nước đối với các hoạt động thương mại, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay như: Những nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực thương mại;

Thực trạng của quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Một số biện pháp quản lý nhà nước để nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

10.61. Luật Các tổ chức quốc tế – 02 tín chỉ

Học phần Luật các tổ chức quốc tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự tồn tại, cơ chế hoạt động của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các tổ chức mà trong đó Việt Nam đã là thành viên. Từ đó tìm ra vai trò và sự ảnh hưởng của các tổ chức này trên thế giới và đối với Việt Nam để có cách nhận thức đúng đắn và định hướng tương lai trong sự hội nhập kinh tế quốc tế.

10.62. Pháp luật về thi hành án dân sự - 02 Tín chỉ

Học phần được cấu trúc thành các chương: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự, Thủ tục thi hành án, Cường chế thi hành án, Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự. Học phần giúp sinh viên nhận biết quy định của pháp luật về hoạt động thi hành án, hệ thống cơ quan thi hành án, chức năng nhiệm vụ của cơ quan thi hành án các cấp, thủ tục thi hành án, hoạt động cưỡng chế thi hành án, thực hành một số hoạt động trong thủ tục thi hành án.

10.63. Luật Tố tụng hành chính Việt Nam

Học phần Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tố

quang hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước sự xâm phạm trái pháp luật của việc thực thi quyền hành pháp.

10.64. Tội phạm học

Học phần nghiên cứu về Khái niệm Tội phạm học và vị trí Tội phạm học trong hệ thống các khoa học, Tình hình tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, Phòng ngừa tội phạm. Dự báo tình hình tội phạm và kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm.

10.65. Pháp luật về Nhà ở

Học phần bao gồm nội dung tổng quan về nhà ở như khái niệm nhà ở, phân loại nhà ở theo từng căn cứ khác nhau, dự án phát triển nhà ở, chủ thể đầu tư tạo lập nhà ở, nguồn vốn và quỹ đất để đầu tư tạo lập nhà ở đối với những loại nhà ở khác nhau. Tiếp theo những nội dung tổng quan về nhà ở, học phần bao gồm nội dung quản lý về nhà ở như quy chuẩn kỹ thuật các loại nhà ở, cấp phép xây dựng nhà ở, vấn đề trách nhiệm bảo trì, bảo hành nhà ở. Học phần cũng bao gồm nội dung những giao dịch về nhà ở (tập trung vào ba giao dịch là mua bán nhà thuê và thuê mua nhà ở) dưới sự điều chỉnh của Luật Nhà ở 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản 2014 và nội dung kinh doanh dịch vụ về nhà ở.

10.66. Luật An sinh xã hội

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên nhận thức an sinh xã hội là một môn khoa học; có hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; có quá trình hình thành và phát triển; quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội. giới.

10.67. Pháp luật về Trọng tài thương mại

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài, liên hệ đến các quy định về việc áp dụng Luật Trọng tài thương mại Việt Nam.

10.68. Thực tập tốt nghiệp

Tất cả các sinh viên phải thực tập tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn thực tập của một giảng viên hướng dẫn và tham gia thực tập tại nơi có hoạt động thực hiện pháp luật. Sau khi kết thúc thực tập sinh viên phải nộp nhận xét của cơ quan thực tập và một bài báo cáo



về quá trình thực tập tốt nghiệp.

10.69. Khóa luận tốt nghiệp và tiểu luận tốt nghiệp

Những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường thì chọn thực hiện một đề tài khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của một giảng viên và phải bảo vệ thành công khóa luận.

Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì làm tiểu luận tốt nghiệp và phải học thêm 02 (hai) học phần thay thế.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Luật Kinh tế hệ chính quy gồm 145 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 50 TC giáo dục đại cương, 95 TC kiến thức ngành, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

- + **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Bộ môn Luật phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.
- + **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, và học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian: Bộ môn Luật sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Bộ môn Luật sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.



Trần Công Luận

TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO



Lê Phú Nguyễn Hải

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



Trương Kim Phụng